

Số: 13 /ĐT

V/v: Thông báo tuyển sinh
đào tạo tiến sĩ năm 2019

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ ĐỢT 1 NĂM 2019**

1. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ CHUẨN

1.1. Chuyên ngành tuyển sinh

- 1.1.1. **Khoa Công nghệ Thông tin**, các chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm, Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính.
- 1.1.2. **Khoa Điện tử - Viễn thông**, các chuyên ngành: Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật viễn thông.
- 1.1.3. **Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa**, chuyên ngành: Cơ kỹ thuật.
- 1.1.4. **Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano**, chuyên ngành: Vật liệu và linh kiện nano.

1.2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

1.3. Điều kiện dự tuyển

- Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
 - b) Có đủ sức khoẻ để học tập.
 - c) Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng từ loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng, ngành/chuyên ngành phù hợp hoặc ngành/chuyên ngành gần với ngành/chuyên ngành đăng kí dự tuyển;
 - d) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.
 - e) Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng kí dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận. Đối với những người đã có bằng thạc sĩ nhưng hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo khoa học.
 - f) Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu;

lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

g) Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

h) Người dự tuyển phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ theo Bảng tham chiếu ở Phụ lục 1 do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày thi lấy chứng chỉ tính đến ngày đăng kí dự tuyển;

- Bằng cử nhân hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho chương trình đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ phù hợp với ngôn ngữ yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Có bằng đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài phù hợp với ngoại ngữ theo yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

- Trong các trường hợp trên nếu không phải là tiếng Anh, thì người dự tuyển phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh. Hội đồng tuyển sinh thành lập tiểu ban để đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp trong chuyên môn của các thí sinh thuộc đối tượng này.

i) Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng chuyên ngành đào tạo.

j) Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài thực hiện theo văn bản Quy định về việc xét tuyển người nước ngoài vào học tại ĐHQGHN (ban hành kèm theo Quyết định số 4299/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/10/2015 của Giám đốc ĐHQGHN).

2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ

Ngành Khoa học Máy tính: Chuyên ngành Khoa học Máy tính

Điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh đã trúng tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ chuẩn chuyên ngành Khoa học Máy tính;
- Đáp ứng các yêu cầu đối với môn tiếng Anh theo quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội dành cho các chương trình đào tạo chuẩn quốc tế;
- Có cam kết tham gia khóa học theo hình thức tập trung.

3. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: 10 nghiên cứu sinh

STT	Chuyên ngành	Số lượng nghiên cứu sinh
1.	Khoa học máy tính	10
2.	Kỹ thuật phần mềm	
3.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
4.	Hệ thống thông tin	
5.	Kỹ thuật điện tử	
6.	Kỹ thuật viễn thông	
7.	Cơ kỹ thuật	
8.	Vật liệu và linh kiện nanô	

4. HỒ SƠ DỰ THI

Bao gồm:

- a) Đơn đăng kí dự tuyển;
- b) Sơ yếu lí lịch cá nhân;
- c) Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ và minh chứng về chuyên môn, ngoại ngữ, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác theo quy định; Giấy chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;
- d) Đề cương nghiên cứu đáp ứng các yêu cầu, nội dung tại phần 1.3, mục f của thông báo này;
- đ) Thư giới thiệu của tối thiểu một nhà khoa học theo quy định tại phần 1.3, mục g của thông báo này;
- e) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lí trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

5. ĐĂNG KÝ DỰ THI, THỜI GIAN THI VÀ LỆ PHÍ

5.1. Nhiệm vụ của thí sinh

- Bước 1: Thí sinh truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng kí dự thi trực tuyến theo hướng dẫn. Thí sinh đã đăng ký tài khoản trong những kỳ tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kỳ đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng ký dự tuyển trong năm 2019. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.
- Bước 2: Thí sinh nộp hồ sơ bản cứng trực tiếp tại Phòng 105 – Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội hoặc chuyển qua đường bưu điện (nếu hồ sơ chuyển qua đường bưu điện sẽ tính theo dấu bưu điện).
- Thời gian đăng kí: *từ 8h00 ngày 20/01/2019 đến 17h00 ngày 11/04/2019.*

5.2. Thời gian đánh giá hồ sơ chuyên môn

- Từ ngày *20 đến 29/04/2019*

5.3. Lệ phí

- Lệ phí: 260.000đ/ thí sinh
- Phương thức nộp tiền: thí sinh có thể chuyển lệ phí tuyển sinh theo quy định vào tài khoản của Trường Đại học Công nghệ hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại Trường Đại học Công nghệ.
- Thông tin chuyển tiền qua tài khoản:
 - + Tên Tài khoản: Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN
 - + Số TK: 21510000214781 tại Ngân hàng BIDV Cầu Giấy, Hà Nội
 - + Nội dung chuyển khoản: Họ tên thí sinh_Ngày sinh_TS SDH đợt 1 2019
- Địa chỉ nộp tiền mặt: P.101A – Phòng Kế hoạch Tài chính – Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN – Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

6. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI, THỜI GIAN NHẬP HỌC, THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- **Thời gian công bố kết quả thi:** trước *06/05/2019*
- **Thời gian đào tạo:** 3 năm với NCS đã có bằng thạc sĩ, 4 năm với NCS từ cử nhân

7. HỌC BỔNG DÀNH CHO NGHIÊN CỨU SINH

Nghiên cứu sinh có cơ hội đăng ký nhiều nguồn học bổng, trong đó có các học bổng của Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Công nghệ cấp. Cụ thể:

- + Học bổng toàn phần của Đại học Quốc gia Hà Nội: cho NCS từ thạc sĩ là 60.000.000 đồng/khóa học, cho NCS từ cử nhân là 90.000.000 đồng/khóa học.
- + Học bổng toàn phần của Trường Đại học Công nghệ: cho NCS từ thạc sĩ là 60.000.000 đồng/khóa học, cho NCS từ cử nhân là 80.000.000 đồng/khóa học.

Mọi chi tiết xin liên hệ tại:

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội
Phòng 105-E3, 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3754 7810; Email: daotaosdh_dhcn@vnu.edu.vn

Website: <http://uet.vnu.edu.vn> mục Tuyển sinh.

Trân trọng thông báo./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (đề b/c);
- Các cơ sở đào tạo liên quan;
- Các đơn vị trong trường;
- Website của Trường ĐHCN, thí sinh dự thi;
- Lưu: VT, ĐT, TH.50.

(đã ký)

Chữ Đức Trình

**Phụ lục 1 – Bảng tham chiếu chứng chỉ Ngoại ngữ sử dụng trong tuyển sinh trình độ
tiến sĩ tại ĐHQGHN**

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1.	TOEFL iBT	72-94
2.	IELTS	5.5-6.5
3.	Cambridge examination	PET (160-170) FCE (160-179) CAE (160-179)
4.	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency	VSTEP.3-5 (6.0 – 8.0)
5.	DELF TCF	DELF B2 TCF niveau 4
6.	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZdFB)
7.	TestDaF	TDN4
8.	DSD	DSD B2
9.	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4
10.	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3
11.	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2
12.	TOPIK II	Cấp độ 4

Phụ lục 2 – Danh mục các ngành/chuyên ngành trình độ đại học/thạc sĩ được xét tuyển đối với từng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

TT	Chuyên ngành	Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp	Danh mục các ngành/chuyên ngành gần
1.	Khoa học máy tính	Các chuyên ngành trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin (Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính...)	Cơ sở toán học cho tin học, Khoa học tính toán, Toán tin; các chuyên ngành thuộc nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
2.	Kỹ thuật Phần mềm	Các chuyên ngành trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin (Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính...)	Cơ sở toán học cho tin học, Khoa học tính toán, Toán tin; các chuyên ngành thuộc nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
3.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Các chuyên ngành trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin (Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính...)	Cơ sở toán học cho tin học, Khoa học tính toán, Toán tin; các chuyên ngành thuộc nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
4.	Hệ thống Thông tin	Các chuyên ngành trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin (Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính...)	Cơ sở toán học cho tin học; toán ứng dụng; lý thuyết xác suất và thống kê toán học; thống kê; kỹ thuật mật mã; lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tin học; hệ thống thông tin quản lý
5.	Kỹ thuật điện tử	Các ngành/chuyên ngành trong nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; các ngành/chuyên ngành Kỹ thuật máy tính, Điện tử-viễn thông.	Vật lý vô tuyến và điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ hàng không vũ trụ
6.	Kỹ thuật viễn thông	Các ngành/chuyên ngành trong nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; các ngành/chuyên ngành Kỹ thuật máy tính, Điện tử-viễn thông.	Vật lý vô tuyến và điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ hàng không vũ trụ
7.	Cơ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật xây dựng Công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng Công trình đặc biệt; Cơ học vật rắn, Cơ học chất lỏng và chất khí; Cơ học; Cơ điện tử, Kỹ thuật Cơ điện tử; Toán cơ; Tự	Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Cơ khí động lực, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật năng lượng; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật hạt nhân; Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật dầu khí; Địa kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật cấp thoát nước; Công nghệ hàng không vũ trụ; Robotica; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Kỹ

TT	Chuyên ngành	Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp	Danh mục các ngành/chuyên ngành gần
		động hóa; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật hạ tầng (của ĐH Việt Nhật)	thuật cấp thoát nước; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
8.	Vật liệu và Linh kiện Nanô	Vật lý kỹ thuật; vật lý lý thuyết; vật lý chất rắn; vật lý vô tuyến điện tử; vật lý nguyên tử; quang học; vật lý địa cầu; khoa học vật liệu; hóa vô cơ; hóa hữu cơ; hóa phân tích; hóa lý thuyết và hóa lý; hóa môi trường; kỹ thuật hóa học; kỹ thuật vật liệu; kỹ thuật hạt nhân;	Cơ kỹ thuật; kỹ thuật cơ điện tử; kỹ thuật điện; kỹ thuật điện tử; kỹ thuật viễn thông; kỹ thuật y sinh; kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; kỹ thuật môi trường

**Phụ lục 3 - Danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu
kèm theo danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện
hướng dẫn nghiên cứu sinh**

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo	
1	Nguyễn Thanh Thủy	Toán Máy tính	Trí tuệ nhân tạo
2	Nguyễn Năng Định	Vật lý/Cấu tạo vật chất	Pin mặt trời tích hợp tích trữ năng lượng
3	Bạch Gia Dương	Vật lý	Siêu cao tần, Anten
4	Nguyễn Hữu Đức	Vật lý	Vật liệu và linh kiện từ tính cấu trúc nano, Điện tử học spin, vật liệu tổ hợp sắt từ/sắt điện (multiferroics), MERAM, cảm biến sinh học,...
5	Nguyễn Đình Đức	Cơ học vật liệu	Vật liệu composite
6	Dương Ngọc Hải	Cơ học kỹ thuật&TĐH	Thủy khí; Động lực học chất lỏng chất khí
7	Nguyễn Đông Anh	Cơ học kỹ thuật&TĐH	Dao động, Điều khiển dao động
8	Nguyễn Tiến Khiêm	Cơ học kỹ thuật&TĐH	Dao động, Chẩn đoán kỹ thuật công trình
9	Nguyễn Việt Hà	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm
10	Phạm Bảo Sơn	Khoa học Máy tính	Trí tuệ nhân tạo; Xử lý ngôn ngữ tự nhiên
11	Trương Ninh Thuận	Toán -Tin ứng dụng	Công nghệ phần mềm; Kiểm chứng phần mềm
12	Phạm Ngọc Hùng	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm; Đảm bảo chất lượng phần mềm
13	Trương Anh Hoàng	Tin học	Công nghệ phần mềm
14	Hà Quang Thụy	Toán	Khai phá dữ liệu; Thông minh kinh doanh
15	Nguyễn Hải Châu	Toán-Tin	Hệ thống thông tin; GIS
16	Nguyễn Ngọc Hóa	Tin học	Hệ thống thông tin; An toàn thông tin
17	Nguyễn Trí Thành	Hệ thống thông tin	Khai phá dữ liệu; Truy hồi thông tin; Xử lý ngôn ngữ tự nhiên
18	Hoàng Xuân Huân	Toán	Học máy; Tin sinh học
19	Nguyễn Đình Việt	Vật lý/VL vô tuyến	Hệ thống nhúng; Mạng và truyền thông máy tính
20	Nguyễn Ngọc Bình	Toán Ứng dụng	Hệ thống nhúng; Công nghệ phần mềm
21	Chữ Đức Trình	Điện tử viễn thông	Vi cơ điện tử, Y sinh
22	Trần Đức Tân	Điện tử viễn thông	Xử lý tín hiệu, Cảm biến, Mạng cảm biến
23	Nguyễn Quốc Tuấn	Công nghệ thông tin	Network, truyền thông hợp tác
24	Nguyễn Linh Trung	Kỹ thuật máy tính và điện	Xử lý tín hiệu, truyền thông
25	Trịnh Anh Vũ	Vật lý vô tuyến	Truyền thông, Hệ thống VT thế hệ mới
26	Đỗ Thị Hương Giang	Khoa học Vật liệu	Vật liệu từ giao - áp điện cấu trúc nano, cảm biến đo từ trường
27	Nguyễn Kiên Cường	Vật liệu và Xử lý Bề Mặt	Vật liệu quang tử
28	Nguyễn P. Hoài Nam	Hoá hữu cơ	Vật liệu và linh kiện quang-điện trên cơ sở polymer dẫn. Vật liệu nanocomposite
29	Hoàng Nam Nhật	Khoa học vật liệu	Vật liệu thấp chiều thế hệ mới và ứng dụng trong công nghệ hiện đại. Vật lý tính toán các hệ đám nano từ tính. Gốm trên nền hợp kim pha tạp siêu loãng bằng bắn phá ion năng lượng cao
30	Phạm Đức Thắng	Vật lý	Vật liệu từ tính, oxide sắt điện, tổ hợp cấu trúc micro-nano; các ứng dụng về sử dụng hiệu quả, tái tạo năng lượng, xử lý môi trường

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo	
31	Phạm Mạnh Thắng	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa - Cơ điện tử.
32	Đặng Thế Ba	Toán -Cơ	Toán -Cơ; Thủy khí công nghiệp và môi trường
33	Nguyễn Phương Thái	Tin học	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên
34	Lê Sỹ Vinh	Tin học	Tin sinh học; Khai phá dữ liệu
35	Lê Thanh Hà	Công nghệ thông tin	Xử lý ảnh và video; Video coding
36	Phan Xuân Hiếu	Công nghệ thông tin	Khai phá dữ liệu; Thông minh kinh doanh; Xử lý ngôn ngữ tự nhiên
37	Nguyễn Thị Nhật Thanh	Công nghệ thông tin	Xử lý ảnh; Giám sát hiện trường
38	Bùi Thanh Tùng	Điện tử viễn thông	Vi cơ điện tử, Y sinh
39	Trần Xuân Tú	Điện tử viễn thông	Hệ thống nhúng
40	Phạm Minh Triển	Điện tử viễn thông	Điều khiển, robotics
41	Nguyễn Hà Nam	Công nghệ thông tin	Khai phá dữ liệu; Thông minh kinh doanh
42	Nguyễn Thế Hiện	Vật lý chất rắn	
43	Nguyễn Việt Khoa	Dao động	Tính toán kết cấu, Động lực học và giám sát kết cấu
44	Nguyễn Thị Việt Liên	Cơ học chất lỏng	Động lực học chất lỏng, chất khí
45	Đào Như Mai	Cơ học vật thể rắn	Tính toán kết cấu, Động lực học kết cấu dưới tác dụng của sóng, gió
46	Đinh Văn Mạnh	Cơ học chất lỏng	Động lực học chất lỏng, chất khí
47	Nguyễn Nam Hoàng	Điện tử Viễn thông	Network, Truyền thông dùng ánh sáng
48	Lê Vũ Hà	Tin học	Xử lý đa phương tiện
49	Đinh Triều Dương	Điện tử viễn thông	Xử lý đa phương tiện
50	Trần Cao Quyền	Kỹ thuật Viễn thông	Anten, Truyền thông dưới nước
51	Nguyễn Việt Anh	Công nghệ thông tin	E-learning
52	Hoàng Văn Xiêm	Kỹ thuật điện và máy tính	Xử lý đa phương tiện